

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/05/2021
“ V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn- Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2723/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Tử C1, sinh năm 1959.

Trú tại: Số nhà 314 khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 314 khu phố 4, phường B, thành B, tỉnh Đ.

Trú tại: 322/4/21, khu phố 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C1 có đơn xin vắng mặt, bà V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Đặng Tử C1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố B, Tỉnh Đ. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay ông không còn tình cảm với bà V nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cụ thể: Đặng Nguyễn Mai A, sinh năm 1993 và Đặng Nguyễn Mạc P, sinh năm 1996. Các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc ông C1 đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tất cả các buổi làm việc nên không có bản tự khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông C1 có căn cứ.

Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Ông Đặng Tử C1 có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà ông C1 đã nộp theo biên lai thu số 0007803 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị V cư trú tại phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà V về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Bà V cố tình vắng mặt không có lý do. Ông Đặng Tử C1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông C1 và bà V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố B, tỉnh Đ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của ông C1 thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà V để ông ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông C1 và bà V thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, ông C1 và bà V đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng ông C1 cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C1 về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

[3] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung, cụ thể: Đặng Nguyễn Mai Ân, sinh năm 1993 và Đặng Nguyễn Mạc Phan, sinh năm 1996. Các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ngày 05/5/2021, ông Đặng Tử C1 có đơn xin miễn án phí vì ông C1 là người cao tuổi. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Đặng Tử C1 được miễn án phí. Trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà ông C1 đã nộp theo biên lai thu số 0007803 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 5, 7 và 40 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 56 và 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tử C1. Ông Đặng Tử C1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

2. Về Con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đặng Tử C1 được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà ông C1 đã nộp theo biên lai thu số 0007803 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Bình Đa, Biên Hòa (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu

